



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 32 + 33

Ngày 01 tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

10-12-2025	Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND ban hành Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh.	04
10-12-2025	Nghị quyết số 61/2025/NQ-HĐND ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	13
10-12-2025	Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ thu hút các đoàn khách du lịch đến Thành phố Hồ Chí Minh tham dự hội nghị, hội thảo kết hợp tham quan du lịch.	24
10-12-2025	Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐND về việc quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	28

-
- | | | |
|------------|--|----|
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 64/2025/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ kinh phí tiêm vắc-xin phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm và chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 38 |
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 và Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026. | 42 |
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 66/2025/NQ-HĐND quy định chế độ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với người có công, nhân sĩ, trí thức, cán bộ và một số đối tượng tiêu biểu khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 47 |
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND quy định chính sách hỗ trợ đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy; lực lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2028. | 55 |
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 59 |

-
- | | | |
|------------|---|----|
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 69/2025/NQ-HĐND quy định chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia trực tiếp công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 62 |
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 70/2025/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. | 66 |
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 71/2025/NQ-HĐND quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh. | 69 |
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 72/2025/NQ-HĐND quy định mức chi hỗ trợ cộng tác viên sức khỏe cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 74 |
| 10-12-2025 | Nghị quyết số 73/2025/NQ-HĐND quy định các chính sách đặc thù về củng cố, nâng cao năng lực trạm y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 77 |

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 60/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ cho các hoạt động
xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Căn cứ Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ Nghị định số 128/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 14/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Xét Tờ trình số 977/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách đặc thù hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh và Báo cáo số 292/BC-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc hoàn chỉnh hồ sơ nghị quyết; Báo cáo thẩm

tra số 916/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết ban hành Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

b) Tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố đảm bảo đúng đối tượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

c) Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất đối với việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chính sách đặc thù hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các đơn vị chủ trì, gồm: các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao chủ trì tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại.
- Các đơn vị tham gia, gồm: các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đối tác quốc tế; liên hiệp hợp tác xã, hộ sản xuất, hộ kinh doanh; các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

- Phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như định hướng của Chính phủ về các hoạt động thương mại.
- Đảm bảo có tác động thiết thực đến việc thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vào các lĩnh vực thương mại để thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của Thành phố trong từng thời kỳ.
- Khi xây dựng và tổ chức thực hiện hoạt động xúc tiến cụ thể phải đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.
- Đối với nội dung được quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc phạm vi

điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật khác thì đơn vị chủ trì được lựa chọn áp dụng quy định có mức hỗ trợ cao nhất.

Chương II

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 4. Các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước

1. Tổ chức hội chợ, triển lãm, tuần hàng, phiên chợ; chương trình khuyến mại tập trung.

a) Nội dung hỗ trợ: thuê mặt bằng, thiết kế tổng thể và chi tiết, dàn dựng gian hàng, trang trí chung; điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế, internet; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ, triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ, triển lãm.

b) Mức hỗ trợ: 50% chi phí nhưng không quá 20 triệu đồng/đơn vị tham gia.

2. Tổ chức Hội nghị kết nối cung cầu giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố; lễ hội, tuần lễ, ngày hội giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của Thành phố Hồ Chí Minh.

a) Nội dung hỗ trợ: thuê mặt bằng, thiết kế tổng thể và chi tiết, dàn dựng gian hàng, trang trí chung; điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế, internet; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ, triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ, triển lãm.

b) Mức hỗ trợ: 100% chi phí trên cơ sở giá đấu thầu hoặc theo báo giá của Ban Tổ chức chương trình.

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo, kết nối giao thương và sự kiện xúc tiến thương mại trong nước, công tác phí cho người đi công tác trong nước: hỗ trợ 100% chi phí tổ chức theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

4. Tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về vùng nông thôn, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực xa trung tâm Thành phố.

a) Nội dung hỗ trợ: chi phí vận chuyển hàng hóa đến địa điểm tổ chức; thuê mặt bằng, thiết kế tổng thể và chi tiết, dàn dựng gian hàng, trang trí chung; điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế, internet; chi phí quản lý của đơn vị

tổ chức; tổ chức khai mạc, bế mạc; chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng.

b) Mức hỗ trợ: 70% chi phí nhưng không quá 150 triệu đồng/đợt bán hàng.

5. Tổ chức không gian triển lãm chung của Thành phố Hồ Chí Minh.

a) Nội dung hỗ trợ: thuê mặt bằng, thiết kế tổng thể và chi tiết, dàn dựng gian hàng, trang trí chung; điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy; chi phí tuyên truyền.

b) Mức hỗ trợ: 100% chi phí trên cơ sở giá đấu thầu hoặc theo báo giá của Ban Tổ chức chương trình.

6. Tổ chức các đoàn doanh nghiệp đi khảo sát, giao dịch thương mại tại các tỉnh, thành phố khác.

a) Nội dung hỗ trợ: thuê phương tiện đi lại tại nơi công tác; thuê hội trường, trang thiết bị, giấy mời, tài liệu, tuyên truyền quảng bá; công tác phí cho người đi công tác.

b) Mức hỗ trợ: 100% kinh phí thực hiện.

Điều 5. Các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

1. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài.

a) Nội dung hỗ trợ: tuyên truyền quảng bá; tổ chức, dàn dựng gian hàng: thiết kế tổng thể và chi tiết, mặt bằng, dịch vụ điện, nước, an ninh, bảo vệ, vệ sinh, môi trường; dàn dựng khu vực thông tin xúc tiến thương mại chung, trình diễn sản phẩm; trang trí chung; tổ chức lễ khai mạc (đối với chương trình do cơ quan, đơn vị xúc tiến thuộc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức có quy mô 100 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam nói chung trở lên hoặc tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài có quy mô từ 30 gian hàng trở lên): mời khách, lễ tân, trang trí, văn nghệ, sân khấu, âm thanh, ánh sáng; tổ chức hội thảo: hội trường, thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, diễn giả (nếu có); tư vấn lựa chọn sản phẩm tham gia (nếu có); công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì đi nước ngoài thực hiện công tác tổ chức.

b) Quy mô: hội chợ, triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu 12 gian hàng và tối thiểu 12 doanh nghiệp tham gia. Hội chợ, triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 06 gian hàng và tối thiểu 06 doanh nghiệp tham gia.

c) Mức hỗ trợ: 100% chi phí thực hiện nhưng không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp tham gia.

2. Tổ chức không gian triển lãm chung của Thành phố Hồ Chí Minh tại nước ngoài.

a) Nội dung hỗ trợ: thuê mặt bằng, thiết kế tổng thể và chi tiết, dàn dựng gian hàng, trang trí chung; điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy; chi phí tuyên truyền.

b) Mức hỗ trợ: 100% chi phí trên cơ sở giá đấu thầu hoặc theo báo giá của Ban Tổ chức chương trình.

3. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam đối với sản phẩm xuất khẩu.

a) Nội dung hỗ trợ: tuyên truyền, quảng bá; tổ chức, dàn dựng gian hàng (thiết kế tổng thể và chi tiết; dàn dựng gian hàng; trang trí chung); thuê mặt bằng tổ chức hội chợ, triển lãm; dịch vụ điện, nước, vệ sinh, môi trường, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế, internet; lễ khai mạc và các sự kiện quan trọng trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm; các hoạt động tổ chức, quản lý hội chợ, triển lãm.

b) Quy mô:

Hội chợ, triển lãm đa ngành có quy mô tối thiểu 300 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và 150 đơn vị tham gia của Việt Nam khi tổ chức ở thành phố trực thuộc Trung ương, 200 gian hàng tiêu chuẩn và 100 đơn vị tham gia của Việt Nam khi tổ chức ở các địa phương khác.

Hội chợ, triển lãm chuyên ngành có quy mô tối thiểu 100 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) khi tổ chức ở thành phố trực thuộc Trung ương, 80 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) khi tổ chức ở các địa phương khác.

c) Mức hỗ trợ: 100% chi phí thực hiện nhưng không quá 30 triệu đồng/doanh nghiệp tham gia.

4. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Thành phố Hồ Chí Minh giao dịch để mua hàng; tổ chức đoàn giao dịch thương mại ở nước ngoài.

a) Nội dung hỗ trợ: tuyên truyền, quảng bá; tổ chức hội thảo và giao thương; hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; tổ

chức quản lý của đơn vị chủ trì: công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, buru chính, điện thoại, văn phòng phẩm; doanh nghiệp nước ngoài tham gia: ăn, ở, đi lại tại Thành phố Hồ Chí Minh; vé máy bay khứ hồi, ăn, ở, đi lại tại Thành phố Hồ Chí Minh cho người của đơn vị đối tác tổ chức đưa đoàn vào Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Quy mô:

Đoàn giao thương đa ngành: có tối thiểu 20 doanh nghiệp nước ngoài, 60 doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (đối với đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Thành phố Hồ Chí Minh giao dịch để mua hàng); tối thiểu 15 doanh nghiệp (đối với đoàn giao dịch thương mại ở nước ngoài).

Đoàn giao thương chuyên ngành: có tối thiểu 07 doanh nghiệp nước ngoài, 21 doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (đối với đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Thành phố Hồ Chí Minh giao dịch để mua hàng); tối thiểu 07 doanh nghiệp (đối với đoàn giao dịch thương mại ở nước ngoài).

c) Mức hỗ trợ: 100% kinh phí trên cơ sở giá đấu thầu hoặc theo báo giá của Ban Tổ chức chương trình. Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài tham gia hỗ trợ không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/doanh nghiệp; đối với người của đơn vị tổ chức đưa đoàn vào Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ không quá 04 ngày 03 đêm 01 người/đoàn có quy mô tối thiểu 07 doanh nghiệp.

5. Tổ chức hội nghị quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh về ngành hàng xuất khẩu; kết nối giao thương tại Việt Nam giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại.

a) Nội dung hỗ trợ: tuyên truyền, quảng bá; hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; báo cáo viên, thuyết trình viên: thù lao, ăn, ở, đi lại tại Thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, buru chính, điện thoại, văn phòng phẩm; tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm.

b) Quy mô:

Đối với hội nghị quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh về ngành hàng xuất khẩu: tối thiểu 60 doanh nghiệp Thành phố, 20 doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài sản xuất, kinh doanh, hoạt động trong lĩnh vực ngành hàng liên quan.

Đối với hoạt động kết nối giao thương tại Việt Nam giữa nhà cung cấp với các

doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại: tối thiểu 21 nhà cung cấp và 07 doanh nghiệp xuất khẩu.

c) Mức hỗ trợ: 100% kinh phí thực hiện nhưng không quá 02 tỷ đồng/hội nghị.

Điều 6. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về thương hiệu ngành hàng, hàng hóa, dịch vụ của Thành phố Hồ Chí Minh đến người tiêu dùng trong và ngoài nước

1. Nội dung hỗ trợ: xây dựng sản phẩm tuyên truyền, quảng bá: thiết kế, thu thập tư liệu, viết bài, sản xuất phim, ảnh, sản phẩm truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, nền tảng số và các hình thức phổ biến thông tin khác; thuê tư vấn xây dựng nội dung và kế hoạch, chiến lược tuyên truyền, quảng bá.

2. Mức hỗ trợ: 100% kinh phí thực hiện nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/sản phẩm.

Điều 7. Công tác đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

1. Nội dung hỗ trợ: đào tạo, tập huấn ngắn hạn kỹ năng kinh doanh, kỹ năng phát triển thị trường trong nước, tổ chức mạng lưới bán lẻ; công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại, phát triển ngoại thương.

2. Mức hỗ trợ: 100% kinh phí thực hiện nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/khóa học, tối thiểu 50 học viên/lớp học và mỗi đơn vị được hỗ trợ không quá 02 học viên.

Điều 8. Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường

1. Nội dung hỗ trợ: thu thập, mua thông tin, cơ sở dữ liệu về ngành hàng, thị trường, sản phẩm trong nước và nước ngoài; tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu; biên tập, xây dựng báo cáo, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm thông tin khác; phát hành dưới dạng bản in (in ấn, phát hành), ấn phẩm điện tử hoặc phổ biến tại các hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn.

2. Mức hỗ trợ: 100% kinh phí thực hiện nhưng không quá 700 triệu đồng/sản phẩm thông tin hoặc bộ cơ sở dữ liệu./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động
khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 84/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ

sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 996/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh dự thảo nghị quyết ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 918/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.
2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND 04 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Nghị quyết này và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH**Võ Văn Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 61/2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

2. Các quy định về nội dung hoạt động khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông, nội dung xây dựng mô hình trình diễn và các nội dung chuyên môn nghiệp vụ khuyến nông được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông, hướng dẫn cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng): áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

a) Chi thù lao trợ giảng (nếu có): mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/buổi.

b) Chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/người/buổi.

3. Phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Điều 6 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

4. Chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

5. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

6. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

a) Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) trong trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho học viên; hỗ trợ 100% chi phí thuê chỗ ở theo mức tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC trong trường hợp thuê chỗ ở cho học viên.

b) Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức tối đa được quy định tại Điều 6 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, đặc khu thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

7. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo,

tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

a) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức tối đa được quy định tại Điều 6 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, đặc khu thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

b) Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp: hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa 50% theo mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo mức tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

c) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông: hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

8. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước:

a) Đối với khảo sát, học tập trong nước: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC. Riêng mức hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều này.

b) Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí.

Điều 5. Thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

2. Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

3. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập: nội dung chi, mức hỗ trợ thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC. Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

5. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ theo quy định tại khoản 1 Điều này, chi hoạt động của Ban tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: mức hỗ trợ thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-

BTC-BLĐTBXH quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

7. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước.

Điều 6. Xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

2. Chi kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

3. Chi kinh phí thực hiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

4. Chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình: Áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

5. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Quy định này.

c) Chi hỗ trợ tiền nước uống: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

d) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

6. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 4 và khoản 3 Điều 5 Quy định này.

7. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

Điều 7. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

Điều 8. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

Điều 9. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông:

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định như sau:

Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông gồm chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có): mức hỗ trợ thực hiện theo mức tối đa của định mức, chế độ tài chính hiện hành.

Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức hỗ trợ thực hiện theo mức tối đa của quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông: thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ thu hút các đoàn khách du lịch đến Thành phố
Hồ Chí Minh tham dự hội nghị, hội thảo kết hợp tham quan du lịch**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 962/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định Chính sách hỗ trợ thu hút các đoàn khách du lịch đến Thành phố Hồ Chí Minh tham dự hội nghị, hội thảo kết hợp tham quan du lịch; Báo cáo thẩm tra số

920/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thu hút các đoàn khách du lịch đến Thành phố Hồ Chí Minh tham dự hội nghị, hội thảo hoặc kết hợp tham quan du lịch.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thu hút các đoàn khách du lịch đến Thành phố Hồ Chí Minh tham dự hội nghị, hội thảo hoặc triển lãm và kết hợp tham quan du lịch.

2. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành và các đơn vị, tổ chức trong, ngoài công lập có chức năng hoặc hoạt động trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, kết hợp tham quan du lịch trực tiếp tổ chức các đoàn khách đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều kiện, nguyên tắc hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ

Đoàn khách phải có số lượng tối thiểu là 100 khách; phải lưu trú tại Thành phố Hồ Chí Minh tối thiểu 03 đêm, ngoài chương trình tham dự hội nghị, hội thảo hoặc triển lãm cần có lịch trình tham quan tại Thành phố ít nhất 02 ngày.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

Mỗi đoàn khách chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ một lần, không trùng lặp với các chương trình hỗ trợ khác của Nhà nước. Hồ sơ, chứng từ phải đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Việc hỗ trợ được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm đúng mục đích, đối tượng và trong phạm vi dự toán ngân sách được phê duyệt.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ kinh phí vé vào cổng các điểm tham quan du lịch:

Hỗ trợ chi phí vé vào cổng tại các điểm tham quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; áp dụng đối với đơn vị cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng phục vụ

khách du lịch và thực hiện kê khai giá định kỳ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Mức hỗ trợ không bao gồm các dịch vụ khác. Cụ thể như sau:

Đoàn khách từ 100 - 450 khách: hỗ trợ 15% giá vé vào cổng.

Đoàn khách từ 451 - 750 khách: hỗ trợ 20% giá vé vào cổng.

Đoàn khách từ 751 trở lên: hỗ trợ 25% giá vé vào cổng.

Mức hỗ trợ nêu trên là mức hỗ trợ tối đa nhưng không quá 20.000.000 đồng/đoàn khách.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê hội trường, phòng họp:

Hỗ trợ chi phí thuê hội trường, phòng họp tại Trung tâm Hội nghị hoặc tại cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; không bao gồm chi phí thuê màn hình LED, hệ thống âm thanh, ánh sáng và các dịch vụ khác. Áp dụng đối với đơn vị cung cấp dịch vụ đáp ứng tiêu chuẩn địa điểm tổ chức sự kiện và thực hiện kê khai giá định kỳ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

Đoàn khách từ 100 - 500 khách: hỗ trợ 15%.

Đoàn khách từ 501 - 1000 khách: hỗ trợ 20%.

Đoàn khách từ 1001 khách trở lên: hỗ trợ 30%.

Mức hỗ trợ nêu trên là mức hỗ trợ tối đa nhưng không quá 20.000.000 đồng/đoàn khách.

3. Hỗ trợ kinh phí chương trình biểu diễn nghệ thuật:

Hỗ trợ 20% chi phí biểu diễn nghệ thuật chào mừng đoàn khách, ưu tiên các chương trình nghệ thuật truyền thống Việt Nam nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng/chương trình/đoàn khách.

4. Hỗ trợ kinh phí quà lưu niệm khi đón tiếp các đoàn khách du lịch:

Hỗ trợ quà lưu niệm trị giá 1.000.000 đồng/đoàn (01 phần quà/đoàn). Quà lưu niệm ưu tiên các sản phẩm đạt giải tại Hội thi Thiết kế quà tặng lưu niệm du lịch Thành phố Hồ Chí Minh và các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách Thành phố và nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

b) Tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ thu hút các đoàn khách du lịch của Thành phố đảm bảo đúng đối tượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

c) Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất đối với việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ thu hút các đoàn khách du lịch của Thành phố; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Căn cứ Thông tư số 21/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 1010/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 911/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí

1. Mức chi kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

2. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời gian theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến khi kết thúc nhiệm vụ.

3. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất theo quy định tại Phụ lục đính kèm của khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Danh sách các trường hợp được hưởng mức chi hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp các nội dung chi phát sinh liên quan trực tiếp đến công tác bầu cử và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mức chi cụ thể sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử Thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để làm cơ sở triển khai thực hiện. Sau khi thực hiện, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách Thành phố và ngân sách Thành phố đảm bảo phần chênh lệch nếu thiếu.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.
2. Bãi bỏ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nội dung, mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
3. Thời gian áp dụng các mức chi tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và Thành phố.
4. Đối với khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
5. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

Phụ lục

**QUY ĐỊNH MỨC CHI, THỜI GIAN HỖ TRỢ KINH PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC
BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
(Kèm theo Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
1	Chi tổ chức hội nghị			
1.1	Chi tổ chức hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng	Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mức chi công tác phí và chế độ tổ chức hội nghị trên địa bàn Thành phố		
1.2	Chi tổ chức tập huấn	Nghị quyết số 427/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về việc áp dụng Nghị quyết số 29/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
2.1	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tiểu ban bầu cử (được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền) và các cuộc họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn Thành phố tổ chức			
	Chủ trì cuộc họp	500.000 đồng/người/buổi	400.000 đồng/người/buổi	
	Thành viên tham dự	200.000 đồng/người/buổi	160.000 đồng/người/buổi	
	Các đối tượng phục vụ	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
2.2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Tổ giúp việc Ban chỉ đạo (được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền) và các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
	Chủ trì cuộc họp	300.000 đồng/người/buổi	240.000 đồng/người/buổi	
	Thành viên tham dự	200.000 đồng/người/buổi	160.000 đồng/người/buổi	
	Các đối tượng phục vụ	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	
2.3	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Tổ giúp việc các Tiểu ban thuộc Ủy ban bầu cử Thành phố			
	Chủ trì cuộc họp	300.000 đồng/người/buổi		
	Thành viên tham dự	200.000 đồng/người/buổi		
	Các đối tượng phục vụ	100.000 đồng/người/buổi		
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử			
3.1	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:			
	Trưởng đoàn kiểm tra/giám sát	300.000 đồng/người/buổi	240.000 đồng/người/buổi	
	Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra/giám sát	200.000 đồng/người/buổi	160.000 đồng/người/buổi	
	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp đoàn kiểm tra/giám sát	150.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi	
	Phục vụ gián tiếp đoàn kiểm tra/giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	
3.2	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; Báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	5.000.000 đồng/báo cáo	4.000.000 đồng/báo cáo	
	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử Quốc gia	7.000.000 đồng/báo cáo	5.600.000 đồng/báo cáo	
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	200.000 đồng/người/lần (tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản)	160.000 đồng/người/lần (tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 800.000 đồng người/văn bản)	
	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	1.000.000 đồng/báo cáo	800.000 đồng/báo cáo	
3.3	Chi tiếp đoàn kiểm tra, giám sát của Trung ương	300.000 đồng/người/buổi		Số lượng đối tượng chi thanh toán do thủ trưởng cơ quan tiếp đoàn quyết định
4	Chi xây dựng văn bản về bầu cử			
4.1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bầu cử	Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ và các văn bản có liên quan		
4.2	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại mục 4.1 nêu trên có liên quan đến công tác bầu cử (<i> nghị quyết, quyết định, thông tri, chỉ thị, kế hoạch, thông báo, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử</i>)			

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
	Chi xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	3.000.000 đồng/văn bản		
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	200.000 đồng/người/lần (tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản)		
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
5.1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng, Phó Trưởng Ban chỉ đạo, Trưởng các Tiểu ban, Trưởng Ban bầu cử	3.300.000 đồng/người/tháng	2.640.000 đồng/người/tháng	
	Thành viên Ủy ban bầu cử, Thành viên Ban Chỉ đạo; Phó Trưởng Ban bầu cử, Thành viên Ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, Thành viên các Tiểu ban; Tổ trưởng và Tổ phó Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo	3.000.000 đồng/người/tháng	2.400.000 đồng/người/tháng	
	Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo	2.700.000 đồng/người/tháng	2.160.000 đồng/người/tháng	
	Tổ trưởng và Tổ phó Tổ giúp việc các Tiểu ban bầu cử	3.000.000 đồng/người/tháng		
	Thành viên Tổ giúp việc các Tiểu ban bầu cử	2.700.000 đồng/người/tháng		
5.2	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các Tổ giúp việc)	200.000 đồng/người/ngày (Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ bầu cử từ	160.000 đồng/người/ngày (Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ bầu	

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
	Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).	15 ngày trở lên khoản tối đa 3.000.000 đồng/người/tháng)	cử từ 15 ngày trở lên khoản tối đa 2.400.000 đồng/người/tháng)	
5.3	Chi bồi dưỡng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	300.000 đồng/người/ngày		Áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử
5.4	Chi hỗ trợ tiền ăn 02 ngày (ngày bầu cử và ngày sau ngày bầu cử)	300.000 đồng/người/ngày		
6	Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
6.1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng, Phó Trưởng Ban chỉ đạo, Trưởng các Tiểu ban, Trưởng Ban bầu cử	500.000 đồng/người/tháng	400.000 đồng/người/tháng	
6.2	Thành viên Ủy ban bầu cử; Thành viên Ban Chỉ đạo; Phó Trưởng Ban bầu cử, Thành viên Ban bầu cử, Phó Trưởng các Tiểu ban, Thành viên các Tiểu ban, Tổ trưởng và Tổ phó Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo	400.000 đồng/người/tháng	320.000 đồng/người/tháng	
6.3	Tổ trưởng và Tổ phó Tổ giúp việc các Tiểu ban bầu cử	400.000 đồng/người/tháng		
6.4	Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo	300.000 đồng/người/tháng	240.000 đồng/người/tháng	

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
	Thành viên Tổ giúp việc các Tiểu ban bầu cử	300.000 đồng/người/tháng		
7	Khoán chi hỗ trợ điểm thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử	Tối đa 5.000.000 đồng/điểm		Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp.
8	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử			
	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	150.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi	
	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	
	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi	
9	Chi đóng hòm phiếu	Mức chi tối đa 500.000 đồng/thùng		Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung
10	Chi khắc dấu	Mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu		Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung
11	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử		Mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng	Trường hợp bảng niêm yết danh sách bầu cử không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung
12	Chi công tác in ấn	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ		
13	Chi công tác tuyên truyền bầu cử	Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, giao	Chi theo thực tế (mức chi tối đa 50.000.000	

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
		nhiệm vụ	đồng/cấp xã)	
14	Chi phí hành chính khác phục vụ công tác bầu cử	Chi theo thực tế	Chi theo thực tế (mức chi tối đa 30.000.000 đồng/cấp xã)	
15	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, Khoa học - Công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số, xây dựng cập nhật, vận hành trang thông tin phục vụ công tác bầu cử	Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan		
16	Chi trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác bầu cử của cơ quan thường trực Ủy ban bầu cử Thành phố	Mức chi thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi hiện hành và các quy định có liên quan		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí tiêm vắc-xin phòng, chống dịch bệnh cho
gia súc, gia cầm và chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 80/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Xét Tờ trình số 990/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách hỗ trợ kinh phí tiêm vắc-xin phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm và chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 915/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ kinh phí tiêm vắc-xin phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm và chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện công tác tiêm phòng vắc-xin phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 3 và hộ nuôi chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; ngoại trừ cơ sở chăn nuôi theo hình thức gia công, cơ sở chăn nuôi có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chăn nuôi và thú y, Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng tham gia tổ chức tiêm vắc-xin thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm và chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

1. Các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Chấp hành các quy định của pháp luật về chăn nuôi và thú y;
- b) Có tổng đàn chăn nuôi đáp ứng tiêu chí:

Chăn nuôi gia cầm có tổng đàn dưới 2.000 (hai nghìn) con;

Chăn nuôi heo có tổng đàn dưới 150 (một trăm năm mươi) con;

Chăn nuôi trâu, bò có tổng đàn dưới 40 (bốn mươi) con;

Chăn nuôi dê, cừu có tổng đàn dưới 200 (hai trăm) con.

Trường hợp chăn nuôi kết hợp nhiều loại gia súc, gia cầm thì số lượng tổng đàn từng loại đảm bảo tiêu chí nêu trên.

2. Các hộ nuôi chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% kinh phí mua các loại vắc-xin bao gồm:

- a) Vắc-xin phòng bệnh Lở mồm long móng đối với heo, trâu, bò, dê, cừu;
- b) Vắc-xin phòng bệnh Dịch tả heo cổ điển đối với heo;
- c) Vắc-xin phòng bệnh Viêm da nổi cục đối với trâu, bò;
- d) Vắc-xin phòng bệnh Cúm gia cầm đối với gia cầm;
- đ) Vắc-xin phòng bệnh Đại đối với chó, mèo.

2. Hỗ trợ 100% kinh phí để tổ chức tiêm phòng các loại vắc-xin tại khoản 1 Điều này.

3. Hỗ trợ 100% tiền công tiêm phòng cho người thực hiện công tác tiêm phòng. Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết

này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ chi phí tiêm phòng vắc-xin cho đàn gia súc, chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chính sách hỗ trợ kinh phí tiêm vắc-xin phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định chính sách hỗ trợ tiêm vắc-xin phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 quy định chính sách hỗ trợ tiêm vắc-xin phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021 - 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 và Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 955/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 và Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 910/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 và Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Nghị quyết này được áp dụng cho năm ngân sách 2025, 2026.”

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Phụ biểu I kèm theo Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho từng cấp ngân sách ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 được ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại số thứ tự 05 Mục I như sau:

“Tiền cho thuê mặt nước, không kể tiền cho thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí”.

b) Bãi bỏ nội dung được quy định tại số thứ tự 04 Mục I (bao gồm các số thứ tự thành phần 4.1, 4.2); số thứ tự 07 Mục I (bao gồm các số thứ tự thành phần 7.1, 7.2, 7.2.1, 7.2.2).

c) Sửa đổi, bổ sung tên Mục II như sau:

“Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế)”.

d) Bổ sung số thứ tự 06 (bao gồm các số thứ tự thành phần 6.1, 6.2) vào sau số thứ tự 05 (bao gồm các số thứ tự thành phần 5.1, 5.2) Mục II như sau:

Stt	Nguồn thu	Ngân sách cấp Thành phố	Ngân sách cấp xã	
			Đặc khu Côn Đảo	Xã, phường
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
6	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước 2025			
6.1	Phát sinh trên địa bàn đặc khu Côn Đảo		80%	
6.2	Phát sinh trên địa bàn các xã, phường còn lại	80%		

3. Sửa đổi, bổ sung cụm từ “năm 2025” thành “năm 2025, 2026” tại tên Nghị quyết, Điều 1 Nghị quyết, tên Quy định, tên Phụ biểu 01 Quy định, tên Phụ biểu 02 Quy định và Điều 3 Quy định.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4 như sau:

“b) Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Stt	Tên cơ quan	Định mức
1	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Thành ủy; Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	155
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố	155
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	155
4	Sở, ban, ngành; các cơ quan nhà nước trực thuộc Sở, ban, ngành	112

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; chi đầu tư phát triển chi tiết lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

b) Giao nhiệm vụ nhiệm vụ thu, chi, mức bổ sung cho ngân sách cấp dưới và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã đối với

các khoản thu phân chia; chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên chi tiết lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

c) Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức quản lý, điều hành ngân sách theo đúng quy định, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao tại địa phương; phù hợp với việc phân cấp quản lý và đảm bảo triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp quy định pháp lý liên quan và tình hình thực tiễn Thành phố có thay đổi tác động làm thay đổi quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách ở Thành phố thì Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách ở Thành phố theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được áp dụng cho năm ngân sách 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc được cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới để quy định nội dung tương ứng thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản được ban hành mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với người có công,
nhân sĩ, trí thức, cán bộ và một số đối tượng tiêu biểu khác
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BYT của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 924/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chế độ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với người có công, nhân sĩ, trí thức, cán bộ và một số đối tượng tiêu biểu khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số

876/BC-BPC ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với người có công, nhân sĩ, trí thức, cán bộ và một số đối tượng tiêu biểu khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với người có công, nhân sĩ, trí thức, cán bộ và một số đối tượng tiêu biểu khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có công, nhân sĩ, trí thức, cán bộ và một số đối tượng tiêu biểu khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho các chế độ hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng và các trường hợp không áp dụng

1. Việc thực hiện chế độ hỗ trợ phải bảo đảm kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch và thống nhất trên toàn địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trường hợp một người thuộc nhiều nhóm đối tượng hoặc giữ nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý khác nhau quy định tại Nghị quyết này thì được hưởng chế độ, chính sách theo đối tượng hoặc chức vụ có mức hỗ trợ cao nhất.

3. Không áp dụng chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này đối với các trường hợp sau đây:

a) Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng, buộc thôi việc, bãi nhiệm;

b) Cán bộ bị kết án phạt tù bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c) Cán bộ thuộc lực lượng vũ trang bị tước quân hàm, tước danh hiệu Quân đội nhân dân, Công an nhân dân;

d) Người bị tước danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động và các danh hiệu vinh dự Nhà nước khác.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ chi phí chăm sóc sức khỏe dự phòng

1. Đối tượng thuộc Nhóm 1, Nhóm 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ có tầm soát chuyên sâu 01 lần/năm và tiêm vắc xin phòng bệnh cúm mùa hằng năm.

2. Đối tượng thuộc Nhóm 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ 01 lần/năm.

3. Mức hỗ trợ khám sức khỏe đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này bằng mức giá hiện hành của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (không áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, bao gồm dịch vụ thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán và dịch vụ do ngân sách nhà nước thanh toán.

4. Nội dung khám, kiểm tra sức khỏe đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo Quyết định số 1266/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn phân loại sức khỏe cán bộ và mẫu phiếu khám sức khỏe cán bộ; Danh mục khám sức khỏe định kỳ, khám tầm soát chuyên sâu do Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ Thành phố đề xuất.

Điều 5. Chế độ hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh

Các nhóm đối tượng được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được hưởng chế độ hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ 100% chi phí cùng chi trả trong phạm vi được hưởng của Bảo hiểm y tế khi khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả điều trị nội trú) đúng tuyến, đúng quy định tại các cơ sở y tế được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

2. Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phần Bảo hiểm y tế chi trả: mức hỗ trợ tối đa không quá 70.000.000 đồng/người/năm (bảy mươi triệu đồng) đối với trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo (theo danh mục ban hành tại Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế).

3. Mức hỗ trợ tiền ăn khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ: 200.000 đồng/người/ngày (hai trăm nghìn đồng), thanh toán theo số ngày thực tế điều trị nội trú nhưng không quá 12 ngày/lần điều trị và không quá 02 lần/năm.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ để thực hiện chế độ nghỉ dưỡng hằng năm

1. Đối tượng thuộc Nhóm 1 và Nhóm 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được hỗ trợ chi phí để thực hiện chế độ nghỉ dưỡng 01 lần/năm.

2. Mức hỗ trợ thực hiện theo thực tế, căn cứ kế hoạch tổ chức của Ban Tổ chức

Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, tối đa không vượt quá 4.000.000 đồng/người (bốn triệu đồng).

3. Cán bộ và nhân viên y tế đi theo hỗ trợ đoàn nghỉ dưỡng được thanh toán toàn bộ chi phí theo thực tế, tối đa không vượt quá 4.000.000 đồng/người/lần tham gia (bốn triệu đồng).

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng và hiệu quả.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ việc tổ chức triển khai và thực hiện Nghị quyết này trên địa bàn Thành phố.

Điều 9. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Đối với các trường hợp đã có quyết định giải quyết chế độ, chính sách hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đó, không xem xét lại theo quy định của Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025/.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

PHỤ LỤC

Các đối tượng được áp dụng chế độ chăm sóc sức khỏe đối với người có công, nhân sĩ, trí thức, cán bộ và một số đối tượng tiêu biểu khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 66/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Nhóm 1:

- a) Cán bộ Lão thành cách mạng (*được cơ quan có thẩm quyền công nhận*);
- b) Cán bộ Tiền khởi nghĩa (*được cơ quan có thẩm quyền công nhận*);
- c) Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân (*theo danh sách quản lý tại Ban Tổ chức Thành ủy và Sở Nội vụ.*)

2. Nhóm 2 (người đang công tác giữ chức vụ, chức danh):

a) Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố.

b) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Trưởng, phó các cơ quan tham mưu, giúp việc trực thuộc Thành ủy; Trưởng, Phó các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Trưởng, Phó các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ban, ngành Thành phố và tương đương; Trợ lý, Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ chính trị, đồng chí Bí thư Ban Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy; Thư ký đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành phố Hồ Chí Minh, Thư ký đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

c) Tư lệnh, Phó Tư lệnh, Chính ủy, Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Công an Thành phố. Cán bộ có bậc hàm từ Thiếu tướng trở lên thuộc lực lượng vũ trang Thành phố.

d) Tổng biên tập, Phó Tổng Biên tập Báo Sài Gòn Giải Phóng; Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện Cán bộ; Giám đốc, Phó Giám đốc Đài Phát thanh, Truyền hình Thành phố.

đ) Trưởng, Phó các đơn vị ngành dọc Trung ương cấp tỉnh đóng trên địa bàn Thành phố.

e) Trưởng các Hội cấp Thành phố được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (được giao biên chế).

g) Chuyên viên cao cấp và tương đương, Đại biểu Quốc hội Thành phố.

h) Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy trực thuộc Thành ủy (sau ngày 01 tháng 7 năm 2025).

i) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu và tương đương (sau ngày 01 tháng 7 năm 2025).

3. Nhóm 3 (người đã từng giữ chức vụ, chức danh):

a) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh, Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Tỉnh, Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố; Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh, Thành phố.

b) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh, Thành phố; Trưởng, phó các cơ quan tham mưu, giúp việc trực thuộc Tỉnh, Thành ủy và tương đương; Trưởng, Phó các Ban Hội đồng nhân dân Tỉnh, Thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Tỉnh, Thành phố; Trưởng, Phó các tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh, Thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ban, ngành Tỉnh, Thành phố và tương đương; Trợ lý, Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ chính trị, đồng chí Bí thư Ban Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh, Thành ủy; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh, Thành ủy.

c) Tư lệnh, Phó Tư lệnh, Chính ủy, Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Công an Thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Thành phố, Cán bộ có bậc hàm từ Thiếu tướng trở lên thuộc lực lượng vũ trang Thành phố (Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương) nghỉ hưu trên địa bàn.

d) Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ quận ủy, huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy, Tỉnh ủy.

đ) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã, thành phố và tương đương.

e) Thư ký đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Thư ký đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành phố Hồ Chí Minh; Thư ký đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

g) Tổng biên tập, Phó Tổng Biên tập Báo Sài Gòn Giải Phóng; Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc, Phó Giám đốc Đài phát thanh, truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc, Phó Giám đốc truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc, Phó Giám đốc Đài tiếng nói Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

h) Trưởng, Phó các đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương (cấp tỉnh) đóng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

i) Trưởng các hội cấp Thành phố được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ (được giao biên chế).

k) Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính ủy, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh (trước hợp nhất).

l) Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính ủy, Phó Chính ủy Bộ đội Biên phòng Tỉnh, Thành Phố (trước hợp nhất).

m) Giám đốc, Phó Giám đốc Công an Tỉnh, Thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Tỉnh, Thành phố (trước hợp nhất).

n) Tổng biên tập, Phó Tổng Biên tập Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương; Giám đốc, Phó Giám đốc Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương; Hiệu trưởng, Hiệu phó Trường Chính trị tỉnh (trước hợp nhất).

o) Trưởng, Phó Cục, Vụ, Viện và tương đương trở lên ở cơ quan Trung ương (không thuộc đối tượng tại Nhóm 2) nghỉ hưu về thường trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

p) Cán bộ công tác tại tỉnh Sông Bé trước đây sau khi tách tỉnh, được chuyển công tác đến tỉnh Bình Phước, giữ các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước quản lý, hiện nay đã nghỉ hưu sinh sống và thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh.

q) Chuyên viên cao cấp và tương đương, Đại biểu Quốc hội Thành phố.

r) Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy trực thuộc Thành ủy (sau ngày 01 tháng 7 năm 2025).

s) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu và tương đương (sau ngày 01 tháng 7 năm 2025).

4. Nhóm 4 (Các đối tượng khác):

a) Vợ của liệt sĩ tiêu biểu thuộc diện Thành ủy quản lý (là vợ của các đồng chí

lãnh đạo của Đảng; Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Thường vụ, Thành ủy viên Thành ủy Sài Gòn - Gia Định; Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương; Bí thư, Phó Bí thư quận ủy, huyện ủy và tương đương trực thuộc Thành ủy Sài Gòn - Gia Định) theo danh sách quản lý của Ban Tổ chức Thành ủy.

b) Các vị nhân sĩ, trí thức, cá nhân tiêu biểu các giới có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước, sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc; do Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố đề xuất đưa vào danh sách được hưởng chế độ theo quy định.

c) Đảng viên huy hiệu 50 năm tuổi Đảng trở lên đã từng công tác trong hệ thống chính trị tại Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương.

d) Người tham gia hoạt động kháng chiến đáp ứng đủ các điều kiện sau:

Điều kiện 1: đang sinh sống trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có đăng ký thường trú hoặc tạm trú;

Điều kiện 2: người có quê quán tại Thành phố (gồm Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) tham gia hoạt động kháng chiến hoặc người không có quê quán tại Thành phố (gồm Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) tham gia hoạt động kháng chiến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Các văn nghệ sĩ, trí thức có đóng góp cho công tác xây dựng và phát triển Thành phố nhưng chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn để đưa vào danh sách tiêu biểu hoặc là những trường hợp đặc biệt khó khăn do Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy xem xét, đề nghị.

e) Thương binh 1/4.

g) Cán bộ nghỉ hưu giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên thuộc Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh, Bộ đội Biên phòng Tỉnh, Thành phố và Công an Tỉnh, Thành phố.

h) Thầy thuốc Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân dân.

i) Thầy thuốc Ưu tú, Nhà giáo Ưu tú, Nghệ sĩ Ưu tú, Nghệ nhân Ưu tú.

k) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành và tương đương của Thành phố và các cơ quan, đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố và tương đương đang công tác, nghỉ hưu có mã ngạch chuyên viên chính và tương đương từ bậc 2 trở lên đối với nam, từ bậc 1 trở lên đối với nữ.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng,
chống ma túy; lực lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án ma
túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2028**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước
một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng
4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức,
hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số
79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ
thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 1000/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với lực lượng
thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy; lực lượng thực hành quyền công tố, kiểm
sát điều tra vụ án ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 -
2028; Báo cáo thẩm tra số 890/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban

Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy; lực lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2028.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy; lực lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng, nguyên tắc áp dụng

a) Lực lượng trực tiếp tham gia bắt giữ, khởi tố bị can vụ án ma túy thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Lực lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc điều tra vụ án ma túy thuộc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố và các Viện kiểm sát nhân dân khu vực.

c) Nghị quyết này không áp dụng đối với lực lượng tham gia xét xử các vụ án hình sự về ma túy thuộc Tòa án nhân dân Thành phố và các Tòa án nhân dân khu vực.

Lực lượng tham gia xét xử các vụ án hình sự về ma túy thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các Tòa án nhân dân khu vực trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được hưởng mức hỗ trợ đặc thù theo Nghị quyết số 69/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND Thành phố quy định chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia trực tiếp công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2028.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Hỗ trợ cho lực lượng trực tiếp tham gia bắt giữ, khởi tố bị can và thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án ma túy.

a) Hỗ trợ cho lực lượng trực tiếp bắt giữ và khởi tố bị can thuộc Công an Thành phố khi bắt giữ và khởi tố bị can theo tội danh quy định về tội phạm ma túy với mức 5.000.000 đồng/bị can.

b) Hỗ trợ lực lượng thuộc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố và các Viện kiểm sát nhân dân khu vực khi thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án ma túy trên địa bàn Thành phố với mức 2.000.000 đồng/bị can.

2. Hỗ trợ thêm lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống ma túy bị phơi nhiễm HIV, bị thương, hy sinh khi thi hành công vụ:

a) Trường hợp bị phơi nhiễm HIV: 15.000.000 đồng/người/lượt.

b) Trường hợp bị thương từ 21% trở lên: 5.000.000 đồng/người.

c) Trường hợp hy sinh: 60.000.000 đồng/người.

Điều 3. Điều kiện, nguyên tắc hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ: Cơ quan thụ lý điều tra vụ án ma túy có quyết định khởi tố bị can và cơ quan kiểm sát điều tra vụ án ma túy có quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can.

2. Nguyên tắc hỗ trợ: Đối với vụ án ma túy mà bị can có tội danh hình sự khác thì chỉ hỗ trợ cho đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 theo mức hỗ trợ của Nghị quyết này; không áp dụng thêm mức hỗ trợ đặc thù theo Nghị quyết số 69/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND Thành phố quy định chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia trực tiếp công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 01 năm 2028.

2. Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Dương hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Kịp thời triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

b) Chỉ đạo Công an Thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm xây dựng quy chế thực hiện nội dung tại khoản 1 Điều 2, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định; trong quá trình thực hiện thường xuyên rà soát, định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá hiệu quả thực hiện Nghị quyết, kịp thời tham mưu báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung chính sách cho phù hợp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng
thành viên Đội dân phòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành
chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để
tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ
sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi
tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu
hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và
biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Xét Tờ trình số 854/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân
Thành phố về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí
thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa
bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Báo cáo số 303/BC-UBND ngày 04 tháng 12 năm
2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố giải trình, bổ sung về trình dự thảo Nghị quyết
của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu
chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo

cáo thẩm tra số 887/BC-BPC ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân xã, phường và đặc khu.
2. Lực lượng dân phòng tại các khu phố, ấp và khu dân cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng

1. Tiêu chí thành lập Đội dân phòng: Mỗi khu phố, ấp và khu dân cư thành lập 01 Đội dân phòng.
2. Tiêu chí số lượng thành viên Đội dân phòng:
 - a) Số lượng thành viên Đội dân phòng được bố trí theo quy mô nhân khẩu của từng khu phố, ấp và khu dân cư;
 - b) Đối với các khu phố, ấp và khu dân cư có quy mô nhân khẩu đến 2.700 nhân khẩu được bố trí 03 thành viên, bao gồm: 01 Đội trưởng, 01 Đội phó và 01 Đội viên;
 - c) Đối với các khu phố, ấp và khu dân cư có trên 2.700 đến 3.600 nhân khẩu được bố trí thêm 01 Đội viên; cứ tăng thêm đủ 900 nhân khẩu thì bố trí tăng thêm 01 Đội viên.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách Thành phố bố trí dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện Nghị quyết theo phân cấp Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2025.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết, theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia trực tiếp công tác giải quyết
nguồn tin về tội phạm và điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản
lý nhà nước trong một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh quy định;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng
4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức,
hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số
79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ
thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 969/TT-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân Thành phố về trình dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với những
người tham gia trực tiếp công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra, truy tố,
xét xử vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo số 302/BC-
UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 về giải trình, bổ sung nội dung về trình dự thảo
Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với những người tham gia trực tiếp công tác

giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 889/BC-BPC ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia trực tiếp công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia trực tiếp công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng: lực lượng tham gia trực tiếp công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thuộc Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố và các Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Tòa án nhân dân Thành phố và các Tòa án nhân dân khu vực.

2. Riêng các nguồn tin về tội phạm, vụ việc, vụ án về ma túy thuộc trách nhiệm giải quyết, điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố và các Viện kiểm sát nhân dân khu vực không áp dụng theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 3. Điều kiện và mức chi

1. Điều kiện chi hỗ trợ

Việc chi hỗ trợ được thực hiện khi các nguồn tin, vụ việc, vụ án đã hoàn thành ở từng giai đoạn và đảm bảo các văn bản tố tụng tương ứng với từng cơ quan như sau:

a) Đối với giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm:

- Cơ quan điều tra: Phải có quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định phân công kiểm sát viên kiểm sát hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự và văn bản kết luận kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền.

- Viện kiểm sát nhân dân: Phải có văn bản thống nhất khởi tố vụ án hình sự hoặc văn bản kết luận kiểm sát quyết định không khởi tố vụ án.

b) Đối với giai đoạn điều tra, truy tố:

- Cơ quan điều tra: Phải có bản kết luận điều tra vụ án hình sự và cáo trạng hoặc quyết định chuyển vụ án hình sự (ra ngoài địa bàn Thành phố) để tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

- Viện Kiểm sát nhân dân: Phải có quyết định phân công kiểm sát viên kiểm sát việc giải quyết vụ án qua các giai đoạn và có cáo trạng, bản án.

c) Đối với giai đoạn xét xử:

Tòa án nhân dân: Phải có bản án.

2. Mức chi hỗ trợ

a) Hỗ trợ công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm:

- Cơ quan điều tra: 1.700.000 đồng/vụ việc.

- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân khu vực: 1.000.000 đồng/vụ việc.

b) Hỗ trợ công tác điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự:

- Cơ quan điều tra: 2.200.000 đồng/vụ án.

- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân khu vực: 1.700.000 đồng/vụ án.

- Tòa án nhân dân Thành phố: Vụ án hình sự sơ thẩm: 1.400.000 đồng/vụ án; Vụ án hình sự phúc thẩm: 800.000 đồng/vụ án.

- Tòa án nhân dân khu vực: Vụ án hình sự sơ thẩm: 1.400.000 đồng/vụ án.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chế độ hỗ trợ cho những người tham gia trực tiếp công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm; điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 6. Tổ chức thực hiện**1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:**

a) Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo, đề nghị Công an Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm xây dựng quy chế thực hiện nội dung tại khoản 2 Điều 3 đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH**Võ Văn Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH14;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét Tờ trình số 987/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 930/BC-BPC ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân

dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

1. Bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“Người trong độ tuổi lao động được cấp có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại Hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà theo quy định pháp luật được áp dụng chính sách như cán bộ, công chức tại các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tại khoản 5 Điều này.”.

2. Sửa đổi tên khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. Các trường hợp đang làm việc theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (ngoài các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này) tại các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ sau đây:”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 2 như sau:

“7. Các trường hợp thuộc các cơ quan thuộc Bộ, ngành Trung ương có trụ sở đóng trên địa bàn Thành phố, bao gồm:

a) Công chức thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Tòa án nhân dân khu vực Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Công chức thuộc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các Viện kiểm sát nhân dân khu vực Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Công chức thuộc Thuế Thành phố Hồ Chí Minh;

d) Công chức thuộc Chi cục Hải quan khu vực II;

đ) Công chức thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực II;

e) Công chức thuộc Ngân hàng Nhà nước khu vực II;

g) Công chức, viên chức thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh;

h) Công chức thuộc Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH**Võ Văn Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 71/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng
chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách
Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH14 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế,
chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người
nghèo về các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ
thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4
năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy
phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 948/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 924/BC-BVHXXH ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân, hộ gia đình liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố Hồ Chí Minh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Cơ chế, chính sách cho vay hỗ trợ giảm nghèo

1. Đối tượng vay vốn

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận hộ thoát nghèo);

b) Học sinh, sinh viên là thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Mức cho vay

a) Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (không bao gồm thành viên là học sinh, sinh viên): mức cho vay tối đa 200 triệu đồng/hộ;

b) Đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: mức cho vay bằng mức quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng cho vay học sinh, sinh viên.

3. Thời hạn cho vay

a) Đối với hộ nghèo: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác và Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Đối với hộ cận nghèo: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo và Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội;

c) Đối với hộ mới thoát nghèo: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo;

d) Đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng

Chính phủ và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng cho vay học sinh, sinh viên.

4. Lãi suất cho vay

- a) Lãi suất cho vay trong hạn: 0,5%/tháng;
- b) Lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn.

Điều 3. Cơ chế, chính sách cho vay giải quyết việc làm

1. Đối tượng vay vốn: người lao động vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

2. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

Điều 4. Cơ chế, chính sách cho vay người chấp hành xong án phạt tù

Đối tượng vay vốn, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

Điều 5. Cơ chế, chính sách cho vay để mua, thuê mua nhà ở xã hội; nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở

Đối tượng vay vốn, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

Điều 6. Các quy định liên quan đến nghiệp vụ cho vay, thu hồi, xử lý nợ

Các quy định khác liên quan đến nghiệp vụ cho vay, thu hồi, xử lý nợ của các chính sách cho vay được thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 7. Nguồn vốn thực hiện chính sách

Nguồn vốn cho vay là nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này thay thế Điều 3 Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc được cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới để quy định nội dung tương ứng thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản được ban hành mới.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi hỗ trợ cộng tác viên
sức khỏe cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 917/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về mức chi hỗ trợ cộng tác viên sức khỏe cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Báo cáo thẩm tra số 896/BC-BVHXXH ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ cộng tác viên sức khỏe cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ cộng tác viên sức khỏe cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cộng tác viên sức khỏe cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức chi hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ hàng tháng cho cộng tác viên sức khỏe cộng đồng

- a) Cộng tác viên thuộc địa bàn các phường: 500.000 đồng/người/tháng;
- b) Cộng tác viên thuộc địa bàn các xã và đặc khu: 550.000 đồng/người/tháng.

2. Chi hỗ trợ một phần kinh phí mua bảo hiểm y tế hộ gia đình đối với các trường hợp cộng tác viên sức khỏe cộng đồng chưa có thẻ bảo hiểm y tế: 300.000 đồng/người/năm.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

- 1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
- 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về mức chi hỗ trợ cộng tác viên sức khỏe cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các chính sách đặc thù về củng cố,
nâng cao năng lực trạm y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 919/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân

dân Thành phố dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các chính sách đặc thù về củng cố, nâng cao năng lực trạm y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 895/BC-BVHXH ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định các chính sách đặc thù về củng cố, nâng cao năng lực trạm y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các chính sách đặc thù về củng cố, nâng cao năng lực trạm y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động cao tuổi theo quy định của Bộ luật Lao động, có giấy phép hành nghề, làm việc tại trạm y tế, điểm trạm y tế, thuộc trong các nhóm chuyên môn sau:

- Bác sĩ: tốt nghiệp trình độ đào tạo từ đại học trở lên, thuộc các chuyên ngành y khoa, y học cổ truyền;
- Điều dưỡng, hộ sinh: tốt nghiệp trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên;
- Y sĩ: tốt nghiệp trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên.

b) Người lao động là nhân viên phục vụ, tạp vụ, bảo vệ làm việc tại trạm y tế, điểm trạm y tế nhưng không thuộc đối tượng hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc từ nguồn quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp y tế.

Điều 2. Chính sách thu hút người lao động cao tuổi là bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, y sĩ

1. Hỗ trợ cho bác sĩ (y khoa, y học cổ truyền): lương 9.000.000 đồng/người/tháng và các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu thuộc đối tượng tham gia bắt buộc) theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ cho điều dưỡng, hộ sinh, y sĩ: lương 7.000.000 đồng/người/tháng và các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu thuộc đối tượng tham gia bắt buộc) theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ cho người lao động là nhân viên phục vụ, tạp vụ, bảo vệ

Hỗ trợ cho nhân viên phục vụ, tạp vụ, bảo vệ: lương hàng tháng bằng với mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người

lao động làm việc theo hợp đồng lao động và các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

Chính sách thu hút người lao động cao tuổi quy định tại Điều 2 và chính sách hỗ trợ cho người lao động quy định tại Điều 3 Nghị quyết này được thực hiện dựa trên nhu cầu nhân lực của trạm y tế thông qua kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Các bác sĩ đang trong thời gian tham gia chương trình thực hành tại Bệnh viện đa khoa gắn với trạm y tế theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về các chính sách đặc thù về củng cố, nâng cao năng lực trạm y tế phường, xã, thị trấn trong giai đoạn thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, được tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đến khi hoàn thành chương trình thực hành trong năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax:(028)38.233.694

Email: t tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>